

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 154/BVYHCT-KSNK ngày 21/3/2023 và Văn bản số 178/BVYHCT-KSNK ngày 10/4/2023 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh về việc giải trình, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở "Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 94 /TTr-STNMT ngày 17 /4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh, địa chỉ tại số 07 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 07 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

1.3. Quyết định thành lập: số 122/QĐ-UB ngày 25/3/1982 của UBND tỉnh

thành lập Bệnh viện Y học dân tộc Đắk Lắk; Quyết định số 2583/1999/QĐ-UB ngày 22/10/1999 của UBND tỉnh về việc đổi tên Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh thành Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh.

1.4. Mã số thuế: 6000457414

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích: 9.068 m²

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 250 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND Tp Buôn Ma Thuột;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn phát sinh: Bệnh viện có 3 nguồn thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh;
- + Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh;
- + Nguồn số 03: Nước thải từ căng tin, nhà bếp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa của thành phố trên đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối tại hố ga nước mưa (ký hiệu 287P) thuộc hệ thống thoát nước mưa trên đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3'): X=452694; Y=1404142.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $4,2 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	60		
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	Điều 97	Điều 97

7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36	Nghị định 08/2022/ NĐ-CP	Nghị định 08/2022/ NĐ-CP
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	<i>Tổng coliforms</i>	MPN/ 100ml	3.000		
11	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	<i>Shigelle</i>	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng ngầm dọc theo các công trình và tách biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh: Được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn, sau khi xử lý sơ bộ chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh: Qua song chắn rác, chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nước thải căng tin, nhà bếp: Qua song chắn rác, tách dầu mỡ, chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải từ khu vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số kỹ thuật: gồm 5 bể, mỗi bể có 3 ngăn, kích thước bể 3m x 2m x 1,5m (9 m³/bể).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh từ hoạt động bệnh viện → Bể gom → Bể điều hòa → Hệ thống hợp khối (gồm: ngăn giá thể lơ lửng, ngăn lọc, ngăn chứa và khử trùng) → Cột lọc áp lực → Hệ thống thoát nước mưa của thành phố (được UBND thành phố

Buôn Ma Thuột thống nhất thỏa thuận vị trí đầu nối tại Công văn số 601/UBND-QLĐT ngày 03/3/2017).

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.
- Hóa chất sử dụng: Cloramin B.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Tiến hành thay thế các giá thể vi sinh khi hiệu suất xử lý có dấu hiệu giảm sút.
- Xây dựng các phương án phòng chống, khắc phục sự cố môi trường như cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải.
- Phân công cán bộ chịu trách nhiệm hoặc thuê đơn vị có năng lực thực hiện vận hành và kiểm tra xử lý sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải: Sau khi được cấp Giấy phép môi trường.
- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải: Sau 92 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở, công suất 100 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất gây ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất gây ô nhiễm: Theo mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 3 ngày liên tục, mỗi ngày 1 mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải**

01 nguồn khí thải: khí thải phát sinh từ lò đốt rác thải y tế.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', vĩ độ 3'): X= 452703; Y= 1404146.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.026 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (thời lượng 2 giờ/ngày, 02 ngày/lần).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	115	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Axit Clohydric (HCl)	mg/Nm ³	50		
3	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	200		
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	300		
5	Nitơ oxit (NO _x , tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	300		
6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,5		
7	Chì và hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm ³	1,2		
8	Cadmi và hợp chất tính theo Cadimi, Cd	mg/Nm ³	0,16		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc khí thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của thiết bị xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Hệ thống xử lý khí thải là thiết bị đồng bộ kèm theo lò đốt rác thải y tế hiệu Chunwastar của Nhật Bản, mã hiệu FE-15k, công suất 20 kg/giờ.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Rác thải y tế nguy hại → Buồng đốt sơ cấp ($800 - 1.000^{\circ}\text{C}$) → Buồng đốt thứ cấp ($1.050 - 1.200^{\circ}\text{C}$) → Thiết bị xử lý khí thải (màng lọc bằng hợp kim thép không gỉ) → Ống khói cao 20m.

- Hóa chất sử dụng: NaOH5%.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành Lò đốt rác thải y tế theo đúng quy trình của đơn vị chuyên giao công nghệ.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động.

- Tu sửa, bảo dưỡng định kỳ 1 lần/quý hoặc khi có vấn đề bất thường trong quá trình vận hành.

- Trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy đạt chuẩn và vật liệu cách nhiệt tại khu vực xử lý rác thải.

- Đào tạo nhân viên vận hành các kiến thức và kỹ năng ứng phó sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải: Sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải: Sau 92 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Lò đốt rác thải y tế.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Khí thải đầu ra tại ống khói xả khí thải.

2.2.2. Chất gây ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất gây ô nhiễm: Theo mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 3 ngày liên tục, mỗi ngày 1 mẫu.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống lò đốt rác thải y tế của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành Lò đốt rác thải y tế.

3.4. Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Xỉ, tro từ lò đốt rác thải y tế	Rắn	12 01 05	557
2	Chất thải có chứa tác nhân lây nhiễm	Rắn	13 01 01	1.387
2.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	13 01 01	1.020
2.2	Chất lây nhiễm không sắc nhọn	Rắn		365
2.3	Chất thải giải phẫu	Rắn		2
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	5
4	Pin thải	Rắn	16 01 12	126
5	Sáp paraffin	Rắn	17 07 04	36
Tổng cộng:				2.111

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải không sử dụng tái chế	34.127,5
2	Rác thải sử dụng tái chế	182

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa có dung tích 5 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

- Tại khu xử lý: Bố trí các thùng nhựa có dung tích 120 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 16 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch ống, trát vữa, quét sơn; nền lát gạch Ceramic chống thấm; mái lợp tôn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa có dung tích từ 20 lít – 30 lít có nắp đậy, có dán tên chất thải.
- Tại khu vực lưu giữ: Bố trí các thùng nhựa có dung tích 120 lít có nắp đậy, có dán tên chất thải.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 22 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Tường xây gạch ống, trát vữa, quét sơn; nền lát gạch Ceramic chống thấm; mái lợp tôn.

3. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải nguy hại:

3.1. Lò đốt rác thải y tế

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm.
- Khối lượng chất thải tự xử lý: xử lý từ 6 – 10 kg/lần; tần suất xử lý: 2 ngày/lần.
- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý: được nêu tại Phần B Phụ lục 2.
- Công suất thiết kế: 20 kg/giờ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư 20/2021/TT-BYT, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại không tự xử lý tại cơ sở cho đơn vị có chức năng theo quy định.
2. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cơ sở.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có Văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn;
7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.